

**II. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**      **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Số: 10/2023/QĐ-UBND      Kon Tum, ngày 24 tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước  
trong lĩnh vực trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính  
phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các Cơ sở trợ  
giúp xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của  
Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm,  
dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường  
xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của  
Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về cơ cấu tổ  
chức, định mức nhân viên và quy trình, tiêu chuẩn trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ  
giúp xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 4 năm 2018  
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định định mức kinh tế  
- kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ trợ giúp xã hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Danh mục chi tiết dịch vụ sự  
nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.*

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum, bao gồm:

1. Dịch vụ chăm sóc đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp;
2. Dịch vụ chăm sóc dài hạn cho đối tượng bảo trợ xã hội.

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan quản lý trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được ủy quyền đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trong lĩnh vực trợ giúp xã hội.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác, cơ sở trợ giúp xã hội đang hoạt động theo quy định tại Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

3. Các đối tượng được trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 4 năm 2023.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Tài chính, Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**Lê Ngọc Tuấn**

**PHỤ LỤC**

**GIÁ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
TRONG LĨNH VỰC TRỢ GIÚP XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON  
TUM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 10 /2023/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm  
2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**A. Dịch vụ chăm sóc đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp (tính cho 01 ca chăm  
sóc khẩn cấp)**

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (01 đối tượng/ 03 tháng)
	<b>Chi phí trực tiếp</b>	<b>01 đối tượng/ 03 tháng</b>		<b>9.211.817</b>
<b>1</b>	<b>Sơ cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu</b>			<b>600.000</b>
a)	Khám sức khỏe ban đầu, gồm: đo nhịp tim, huyết áp, kiểm tra tai, mũi, họng; đo nhiệt độ...(theo quy định của Bộ Y tế)	Lần/đối tượng	1	300.000
b)	Sơ cấp cứu ban đầu cho đối tượng có yêu cầu (theo quy định của Bộ Y tế)	Lần/đối tượng	1	300.000
<b>2</b>	<b>Thực phẩm, thức ăn hàng ngày</b>	<b>Kl/đối tượng/ngày (03 bữa/ngày)</b>	<b>2.000</b>	<b>4.320.000</b>
<b>3</b>	<b>Quần áo và các vật dụng sinh hoạt thiết yếu</b>	<b>Bộ/đối tượng</b>	<b>1</b>	<b>3.362.200</b>
a)	Quần áo, dép,..	Bộ/đối tượng	1	585.000
-	Quần áo lót (01 áo lót, 01 quần lót)	Bộ/ đối tượng	1	175.000
-	Quần áo thường mặc thường ngày	Bộ/ đối tượng	1	350.000
-	Giày/ dép	Đôi/ đối tượng	1	60.000
b)	Vệ sinh và vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt			2.777.200

-	Cung cấp đầy đủ nước uống sạch (01 bình 20 lít)	02 lít/đôi tượng/ngày	2 x 90	90.000
-	Cung cấp nước bảo đảm vệ sinh tắm, giặt hàng ngày	20 lít/đôi tượng/ngày	20 x 90	23.400
-	Cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân ( <i>xà phòng tắm, xà phòng giặt, khăn mặt, khăn tắm, dầu gội,...</i> )	Bộ/đôi tượng/ quý	1	1.679.800
-	Bông băng, vệ sinh phụ nữ (02 bịch/bộ)	Bộ/đôi tượng phụ nữ/ tháng	1x3	120.000
-	Cung cấp đồ dùng phục vụ việc ngủ gồm:			864.000
+	Gối, màn, chiếu (1 năm/ lần)	Bộ/đôi tượng/ năm	¼	260.000
+	Đệm, chăn đông (3 năm/ lần)	Bộ/đôi tượng/ 3 năm	1/3/4	280.000
+	Giường nằm (5 năm/ lần)	Chiếc/ đôi tượng/ 5 năm	1/5/4	324.000
<b>4</b>	<b>Hỗ trợ trị liệu, phục hồi thể chất tâm lý cho những đối tượng có yêu cầu</b>	<b>Lượt đối tượng/ngày</b>	<b>1</b>	<b>230.000</b>
<b>5</b>	<b>Văn phòng phẩm</b>			<b>61.900</b>
-	Giấy in A4	01 gram/10 đôi tượng/6 tháng	0,05	3.750
-	Bút bi	01 cái/10 đôi tượng/tháng	0,3	1.200
-	Ghim dập 24x6	01 hộp/10 đôi tượng/năm	0,025	200
-	Ghim dập bé	01 hộp/10 đôi tượng/năm	0,025	75
-	Ghim vòng	01 hộp/10 đôi tượng/tháng	0,3	1.500
-	Máy dập ghim nhỏ	01 cái/10 đôi tượng/năm	0,025	800
-	Máy in	01 cái/20 đôi tượng/5 năm	0,0025	11.250

-	Mực in	Hộp mực/10 đối tượng/năm	0,025	2.500
-	Cartridge mực	Cái/10 đối tượng/năm	0,025	37.500
-	Sổ ghi chép	Quyển/ 10 đối tượng/ năm	0,025	1.750
-	Hồ dán	Lọ/10 đối tượng/3 tháng	0,1	500
-	Kẹp file hồ sơ đối tượng	Cái/10 đối tượng/năm	0,025	875
<b>6</b>	<b>Điện, nước, xử lý chất thải</b>			<b>637.717</b>
-	Điện	300 Kwh/5 đối tượng/ tháng	60x3	527.868
-	Nước sạch	10 m <sup>3</sup> /5 đối tượng /tháng	2x3	78.000
-	Xử lý rác thải	02 kg/đối tượng/ tháng	2x3	5.712
-	Chi phí giặt, hấp và khử khuẩn quần áo, khử khuẩn máy, rác thải, chất thải	Ca/đối tượng/ ngày	90	26.137

### B. Dịch vụ chăm sóc dài hạn cho đối tượng bảo trợ xã hội

ĐVT: đồng.

TT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (1 đối tượng/1 năm)
	<b>Chi phí trực tiếp</b>			<b>33.644.865</b>
<b>1</b>	<b>Thức ăn, quần áo và các vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt</b>			<b>22.941.700</b>
a)	Thực phẩm, thức ăn hàng ngày			17.280.000
	Ít nhất ba bữa ăn: sáng, trưa và tối mỗi ngày; bảo đảm dinh dưỡng đủ calo, có chất đạm.	Kl/đối tượng/ngày (3 bữa/ngày)	2.000	17.280.000
b)	Quần áo			1.530.000
-	Quần áo lót	Bộ/đối tượng/năm	2	350.000

-	Quần áo mùa đông	Bộ/đôi tượng/năm	1	360.000
-	Quần áo mùa hè	Bộ/đôi tượng/năm	2	700.000
-	Giày/ dép	Bộ/ đôi tượng/năm	2	120.000
c)	Vệ sinh và vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt			4.131.700
-	Cung cấp đầy đủ nước uống sạch	Lít/đôi tượng/ngày	2	365.000
-	Cung cấp nước bảo đảm vệ sinh tắm, giặt hàng ngày	Lít/đôi tượng/ngày	20	94.900
-	Cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân ( <i>xà phòng tắm, xà phòng giặt, khăn mặt, khăn tắm, kem đánh răng, bàn chải đánh răng, dầu gội,...</i> )	Bộ/đôi tượng/quý	1	1.679.800
-	Bông băng, vệ sinh phụ nữ	Bộ/đôi tượng phụ nữ/tháng	1	156.000
-	Cung cấp đồ dùng phục vụ việc ngủ gồm:			1.836.000
+	Gối, màn, chiếu	Bộ/đôi tượng/năm	1	260.000
+	Đệm, chăn đông	Bộ/đôi tượng/3 năm	1	280.000
+	Giường nằm	Chiếc/đôi tượng/5 năm	1	1.296.000
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ đối tượng trở về gia đình, cộng đồng</b>	<b>Lần/lượt đối tượng</b>	<b>1</b>	<b>1.060.122</b>
<b>3</b>	<b>Về giáo dục, học nghề và dạy kỹ năng sống cho đối tượng có yêu cầu</b>			<b>2.385.617</b>
<b>4</b>	<b>Vật lý trị liệu, lao động trị liệu, phục hồi chức năng cho đối tượng có nhu cầu</b>	<b>Lượt/đôi tượng/ngày</b>	<b>1</b>	<b>Giá theo yêu cầu thực tế của đối tượng</b>
<b>5</b>	<b>Về văn hóa, thể thao và giải trí</b>			<b>1.261.805</b>
a)	Về văn hóa			500.000
	Học văn hóa truyền thống dân tộc, quyền tự do về tôn giáo, tín ngưỡng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam	Lượt/đôi tượng/năm	1	500.000
b)	Về thể thao, vui chơi, giải trí			761.805
	Tham gia các sự kiện, hoạt động thể	Lượt/đôi	1	761.805

	thao (phù hợp với lứa tuổi và điều kiện sức khỏe)	tượng/tuần		
<b>6</b>	<b>Chăm sóc Y tế</b>			<b>3.195.501</b>
a)	Trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, thuốc bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết	Bộ/cơ sở	1	942.384
b)	Mở sổ theo dõi sức khỏe	Sổ/đối tượng/năm	1	10.000
c)	Kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng và hàng năm cho đối tượng	Lượt/đối tượng/năm	2	600.000
d)	Đối với cơ sở trợ giúp xã hội có nhiệm vụ phục hồi chức năng thì phải có trang thiết bị phục hồi chức năng	Bộ/cơ sở	1	323.492
e)	Điều trị thông thường phù hợp độ tuổi, giới tính, bệnh tật của đối tượng (nếu có)	Lượt điều trị	Hàng ngày	515.025
f)	Chi phí mua thẻ BHYT	Đối tượng/năm	01 x 12	804.600
<b>7</b>	<b>Tư vấn, trợ giúp đối tượng trở về gia đình, cộng đồng</b>	<b>Lượt/đối tượng</b>	<b>1</b>	<b>200.000</b>
<b>8.</b>	<b>Văn phòng phẩm</b>			<b>247.600</b>
-	Giấy in A4	01 Gram/10 đối tượng /6 tháng	0,2	15.000
-	Bút bi	01 Cái/10 đối tượng/tháng	1,2	4.800
-	Ghim dập 24x6	01 Hộp/10 đối tượng/năm	0,1	800
-	Ghim dập bé	01 Hộp/10 đối tượng/năm	0,1	300
-	Ghim vòng	01 Hộp/10 đối tượng/ tháng	1,2	6.000
-	Máy dập ghim nhỏ	01 Cái/10 đối tượng/năm	0,1	3.200
-	Máy in	01 Cái/20 đối tượng/5 năm	0,01	45.000
-	Mực in	Hộp mực/10 đối tượng/năm	0,1	10.000

-	Cartridge mực	Cái/10 đối tượng/năm	0,1	150.000
-	Sổ ghi chép	Quyển/10 đối tượng/năm	0,1	7.000
-	Hồ dán	Lọ/10 đối tượng/3 tháng	0,1 x 4 quý	2.000
-	Kẹp file hồ sơ đối tượng	Cái/10 đối tượng/năm	0,1	3.500
<b>9.</b>	<b>Điện, nước, xử lý chất thải</b>			<b>2.552.320</b>
-	Điện	300 Kwh/5 đối tượng/tháng	60x12	2.111.472
-	Nước sạch	10 m <sup>3</sup> /5 đối tượng/tháng	2x12	312.000
-	Xử lý rác thải	02 kg/đối tượng/tháng	2x12	22.848
-	Chi phí giặt, hấp và khử khuẩn quần áo, khử khuẩn máy, rác thải, chất thải	Ca/đối tượng/ngày	365	106.000
<b>10</b>	<b>Chi phí mai táng phí của đối tượng qua đời tại Trung tâm</b>			<i>Thực hiện theo phát sinh thực tế hàng năm</i>

\* **Ghi chú:** Trường hợp có sự thay đổi của Nhà nước ban hành liên quan đến giá vật tư, vật liệu trên thị trường biến động ảnh hưởng tới giá sản phẩm, thì đơn vị thực hiện, các tổ chức, cá nhân áp dụng báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xem xét điều chỉnh cho phù hợp./.